

Số: **20** /2019/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 15 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức hỗ trợ đối với từng hạng mục, công trình dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 101/TTr-SKHĐT ngày 30/8/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành định mức hỗ trợ đối với từng hạng mục, công trình dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn *(như biểu chi tiết kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Kế hoạch & Đầu tư;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- LĐVP;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NCPC (Hiện).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lý Thái Hải

**ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI TỪNG HẠNG MỤC, CÔNG TRÌNH DỰ ÁN
KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP THEO
NGHỊ QUYẾT SỐ 05/2019/NQ-HĐND NGÀY 17/4/2019 CỦA HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**



(Bản ban hành kèm theo Quyết định số **20** /2019/QĐ-UBND ngày **15** tháng **10** năm 2019
của UBND tỉnh Bắc Kạn

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ (1000 đồng)	Ghi chú
1	Hệ thống điện			
a	Hệ thống điện trong hàng rào dự án (bao gồm trạm, dây..)	Từ 50KVA trở lên	150.000	
2	Hệ thống đường giao thông			
a	Đường giao thông trong hàng rào dự án (bề dày tối thiểu 15cm)	1m ²	1.000	Đường bê tông xi măng, bê tông asphalt, đường láng nhựa.
3	Nhà			
a	Nhà xưởng, nhà kho cao ≤ 6m	1m ²	1.500	Nhà kiên cố, cấp 4 trở lên.
b	Nhà xưởng, nhà kho cao > 6m	1m ²	2.000	
c	Kho đông lạnh	1m ²	7.000	
4	Nước sạch			
a	Bể chứa	1m ³	2.000	Vật liệu bê tông, xây gạch.
b	Đường ống (có đường kính tối thiểu 30mm)	1m	70	Vật liệu nhựa, nhựa HDPE, kim loại.
c	Máy bơm	1 m ³ /giờ	500	
5	Xử lý nước thải			

a	Bể lắng, bể sục khí	1m ³	2.000	Vật liệu bê tông, xây gạch.
b	Hồ chứa nước	1m ³	50	
c	Đường ống (có đường kính tối thiểu 50mm)	1m	100	Vật liệu nhựa, nhựa HDPE, kim loại.
d	Cống thoát nước thải bằng BTCT (D300mm trở lên)	1m	900	
6	Xây dựng đồng ruộng			
a	Khai hoang	1ha	5.000	
b	Đường nội đồng (mặt đường BTXM)	1m ²	200	
c	Nhà kính, nhà lưới	1m ²	50	
d	Tưới phun, tưới nhỏ giọt	1m ²	30	
7	Thiết bị			
a	Nhập từ các nước phát triển	1 tấn	100.000	
b	Nhập từ các nước khác	1 tấn	65.000	
c	Sản xuất tại Việt Nam	1 tấn	70.000	
8	San lấp mặt bằng			
a	Đào, đắp đất	1m ³	10	
b	Đào, đắp đá	1m ³	50	
c	Nền bê tông các loại	1m ²	300	